TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-10-2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc.

2. Ông Cao Đình Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh– Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2018/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990.

Trú tại: Số 193 Đường T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Ông Châu Thái S, sinh năm 1985.

Trú tại: Số 190, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt, ông S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Châu

Thái S.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung tên Châu Ngọc Thùy L, sinh ngày 01/01/2016. Hiện nay cháu L đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu L cho đến ngày cháu L thành niên. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn ông Châu Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); 01 Giấy khai sinh của con chung (Bản sao); 01 Sổ hộ khẩu gia đình (Bản photo); 01 Chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu H (Bản photo – Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính); 01 Chứng minh nhân dân của ông Châu Thái S (Bản photo); 01 Giấy xác nhận của công an xã Tân Hội (Bản chính); 01 Bản tự khai của bà Nguyễn Thị Thu H (Bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được bao gồm: 01 Biên bản xác minh ngày 08/06/2018 (Bản chính).

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông S và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông S được biết. Do ông S vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà H và ông S được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Châu Ngọc Thùy L, sinh ngày 01/01/2016 cho bà H

tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Châu Thái S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Châu Thái S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ 02 không lý do. Việc vắng mặt không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Châu Thái S là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H là do ông S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông S. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà H và ông S, kết quả xác minh cho thấy: Sau khi kết hôn ông S và bà H sống chung với gia đình cha mẹ ông S. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên thời gian từ năm 2017 đến nay bà H và ông S không chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ly hôn với ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà H và ông S có 01 con chung tên Châu Ngọc Thùy L, sinh ngày 01/01/2016. Hiện nay cháu L đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L cho đến ngày cháu Linh thành niên. Xét thấy, cháu L dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác cháu L đang có cuộc sống ổn định với bà H. Do đó, để đảm bảo cho cháu Linh có cuộc sống ổn định cũng như tạo điều kiện thuận lợi để cháu L phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên giao cháu Linh cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên

Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

[3] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải phải chịu 300.000 đồng án phí yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Châu Thái S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Ngọc Thùy L, sinh ngày 01/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Thu H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lại thu số AA/2016/0005783 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;
- Lưu AV, HS.

Ngô Anh Tuấn